Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8539.22.20

Mã HS	8539.22.20
Mô tả hàng hóa	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Dùng cho thiết bị y tế
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 06:56:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85392220/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15911
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15911
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15911
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-BN)	0% (trừ BN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15250
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15182
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15182
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15182
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15182
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15182
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15182
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15238
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15238
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15238
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15238

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15238
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15238
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15239
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15239
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15239
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15239
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15239
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15239
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15240
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15188
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F15196
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G15196
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H15196
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I15196
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J15196
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K15196
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15236
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15236
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15236
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15236
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15236
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15236
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15293
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15293
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15293
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15293
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15293
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15272
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15272
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15272
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15272
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15272
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15272
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15270
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15270
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15270
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15270
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15270
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15270
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15276
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15276
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15276
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15276
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15276
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15276
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15275
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15275
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15275
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15275
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15275
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15275

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15266
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15266
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15266
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15266
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15266
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15266
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15266
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15263
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15263
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15263
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15263
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15263
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15263
RCEP B	2022	2022	0	B!D15263
RCEP B	2023	2023	0	B!E15263
RCEP B	2024	2024	0	B!F15263
RCEP B	2025	2025	0	B!G15263
RCEP B	2026	2026	0	B!H15263
RCEP B	2027	2027	0	B!I15263
RCEP C	2022	2022	0	C!D15263
RCEP C	2023	2023	0	C!E15263
RCEP C	2024	2024	0	C!F15263
RCEP C	2025	2025	0	C!G15263
RCEP C	2026	2026	0	C!H15263
RCEP C	2027	2027	0	C!I15263
RCEP D	2022	2022	0	D!D15262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15262
RCEP D	2024	2024	0	D!F15262
RCEP D	2025	2025	0	D!G15262
RCEP D	2026	2026	0	D!H15262
RCEP D	2027	2027	0	D!I15262
RCEP E	2022	2022	0	E!D15266
RCEP E	2023	2023	0	E!E15266
RCEP E	2024	2024	0	E!F15266
RCEP E	2025	2025	0	E!G15266
RCEP E	2026	2026	0	E!H15266
RCEP E	2027	2027	0	E!I15266
RCEP F	2022	2022	0	F!D15263
RCEP F	2023	2023	0	F!E15263
RCEP F	2024	2024	0	F!F15263
RCEP F	2025	2025	0	F!G15263
RCEP F	2026	2026	0	F!H15263
RCEP F	2027	2027	0	F!I15263
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14227
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14227
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14227
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14227

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8539.22 có 8 dòng thuế; dòng 8539.22.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho thiết bị y tế.	8539.22.31 Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất không quá 60 W; 8539.22.32 Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất trên 60 W; 8539.22.33 Loại khác, dùng cho chiếu sáng gia dụng; 8539.22.39 Loại khác; 8539.22.91 Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất không quá 60 W; 8539.22.93 Loại khác, dùng cho chiếu sáng gia dụng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8539.22.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8539.22.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15911), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.